

Số: 3395 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 13809/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 497/TTr-LĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 161 hộ kinh doanh với tổng kinh phí là 483.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các hộ kinh doanh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH (CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ, CÓ NỢP THUẾ)
BỊ TÂM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 3395 /QĐ-UBND ngày 20 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: đồng

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)	(11)	
1. Phường Tân Hạnh									
1	Nguyễn Phước Lành	3600898905	47A8027578	270162457	237 kp2	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
2	Nguyễn Minh Tân	3603217664	47A8043254	271458646	1628 kp1	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
3	Lê Thị Yến Vy	3603593179	47A8067992	07919500363	97B kp1	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
4	Nguyễn Văn Lâm	3602707761	47A8033797	075069011507	10D kp1	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
5	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	3600394993	47A8055546	075162010205	10B kp1	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
6	Nguyễn Thị Như Thi	8033368756	47A8041034	271752902	393A kp1	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
7	Nguyễn Đình Danh	8134308873	47A8058359	272089497	129 kp4	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
2. Phường Phước Tân									
8	Trần Thị Thu Hà	3603504690	47A8056468	272529593	1629, KP Tân Cang	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
9	Hoàng Việt Thùy	3602514625	47A98039546	271348113	KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
10	Lê Xuân Tuấn	8283625283	47A8061746	113413010	Tổ 14, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
11	Hoàng Văn Sơn	3603497034	47A8055956	272101151	210, Tổ 16, KP Hương Phước	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
12	Nguyễn Văn Khuyến	3602506857	47A8038073	271371472	Tổ 30, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
13	Lê Thị Phụng	8062842427	47A8070702	271657160	1438C, Tổ 30, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
14	Đỗ Thanh Xuân	3602496616	47A8050342	145588767	Tổ 19, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
15	Bùi Thanh Phong	3603551210	47A805841	272317401	23, Tổ 9, KP Tân Mai	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
16	Trần Thị Thu Thủy	3602496599	47A8030436	271269999	1561, Tổ 19, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
17	Lưu Thị Tuyết	8639479599	47A8069800	272598086	Tổ 19, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
18	Nguyễn Xuân Thủy	3601464731	47A8045099	271125171	Tổ 12, KP Hương Phước	06/7/2021 - 26/8/2021	3.000.000		
19	Nguyễn Thị Thu Thảo	3603072017	47A8038877	271511487	512, Tổ 4, KP Hương Phước	06/7/2021 - 26/8/2021	3.000.000		
20	Trần Văn Quân	3603667085	47A8064243	038089014510	KP Hương Phước	10/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
	3. Phường Tam Phước								
21	Trương Văn Nhỏ	3603410273	47A8050927	024990452	59, Đường D, Long Đức I	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
22	Lê Thị Bích Trâm	3603473812	47A8058354	079188000111	Tổ 1, Long Đức I	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
23	Phạm Thị Luận	3603173061	47A8041284	272662518	Tổ 8, KP. Thiên Bình	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
24	Nguyễn Văn Sinh	8493674801	47A8069451	272529504	Tổ 5, Thiên Bình	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
25	Nguyễn Thị Giang	8052292911	47A8061519	142486592	Tổ 9, KP. Long Đức 3	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
26	Đỗ Xuân Hiến	8104305723	47A8041026	272345139	Long Khánh 3	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
27	Bùi Văn Nhiên	3602423079	47A8029925	272113469	Long Khánh 3	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
28	Trần Tiến Quyết	3603170582	47A8041281	272959646	Tổ 7, Thiên Bình	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
29	Trần Thị Hoài	3600623315	47A8068373	271266316	1416, Tổ 6, Long Khánh 1	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
30	Đoàn Thị Bích Đào	8532549250	47A8070255	036193000781	347, đường Phùng Hung, KP. Long Đức 3	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
4. Phường Long Bình Tân									
31	Lê Quang Thành	3603617750	47A8061337	168120288	2/Q2 tổ 13	15/7/2021 - 15/9/2022	3.000.000		
32	Tạ Thị Kim Phượng	8246394380	47A8017378	310689624	5/k6 tổ 11 kp1	30/4/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
33	Đỗ Thị Nhung	8393714585	47A8068833	271668294	G5/1 tổ 11 kp1	30/6/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
34	Vũ Đình Hải	3603532553	47A8057747	211776639	32/G1 tổ 11 kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
35	Nguyễn Duy Hải	3603640005	47A8062624	272839643	07/HV tổ 7 kp1	9/7/2021 - 31/8/2023	3.000.000		
36	Võ Tiến Hậu	8340424064	47A8062424	331654050	41,42/K2 tổ 11 kp1	15/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
37	Đặng Đình Khánh	8246390837	47A8056506	276071778	61A tổ 17 kp1	7/6/2021 - 28/8/2021	3.000.000		
38	Phan Lê Quốc Anh	3603705069	47A8066221	272589699	71/81A Tổ 4 kp1	8/5/2021 - 24/8/2021	3.000.000		
39	Nguyễn Việt Tâm	8328960397	47A8043540	205260937	49/8 kp1	15/7/2021 - 25/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
40	Nguyễn Hữu Nam	3601733504	47A8041521	272856377	C2/26 kp1	17/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
41	Lê Thanh Minh	8104362337	47A8043131	191546654	22/C2-tổ 1 kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
42	Trần Thị Hoàng Lan	3600287208	47A80140635	271199602	49/16 kp1	5/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
43	Lưu Trọng Nhân	8114518248	47A8058421	272061041	49/20 kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
44	Nguyễn Thị Vũ Lệ	3603216759	4748043211	271295513	23/2 tổ 1 kp1	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
45	Nguyễn Thị Thanh Thủy	3603711922	47A8066617	271408570	71/9 tổ 1 kp1	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
46	Trần Thanh Sang	3603570823	47A8059197	191792563	71/5 tổ 1 kp1	1/5/2021 - 31/8/2022	3.000.000		
47	Phạm Thị Khánh Vân	8273865085	47A8018109	270602569	1/C4 kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
48	Trần Việt Hùng	1200403470	47A8046139	276026334	C1/44 kp1	15/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
49	Lê Tuyết Nhi	3603132315	47A8040284	312289972	43/C1 kp1	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
50	Phạm Thị Thu	3603521960	47A805250	272871884	C2/20 kp1	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
51	Cao Thị Kim Tuyền	8327420550	47A8060445	271913601	1A Tổ 18 kp1	1/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
52	Lê Việt Thắng	8549561721	47A8065991	272501357	15 Châu Văn Long	12/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
53	Phan Thị Ngọc Diệp	8253681428	3603606043	271484094	5B2 tổ 4 KP 1	08/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
	5. Phường Hồ Nai								
54	Đào Công Tôn	3602446037	47A8022379	271885818	3B/73 kp11	9/7/2021 -nay	3.000.000		
55	Nguyễn Minh Khánh	8104838249	47A8068745	271422862	16/75 kp11	10/5/2021 -nay	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
56	Bùi Đức Hải	3602673287	47A8032373	271380191	5/71 kp11	9/7/2021 -nay	3.000.000		
57	Phan Thị Lang	3600340589	478000551	270405407	5/71 kp11	9/7/2021 -nay	3.000.000		
58	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3603764522	47A8069805	271979296	4/72 kp11	11/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
59	Phạm Thị Ngọc Ánh	8664167177	47A8070834	271960973	283 NAQ kp11	01/7/2021 -nay	3.000.000		
60	Hoàng Bà Thiêm	3600310432	4081	270703101	28C/39 kp8	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
61	Nguyễn Đình Kỳ	3600310601	47A8004795	270969632	23C/26 kp6	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
62	Trần Thị Ngọc Diễm	3603481108	47A8054167	272788758	14/70 kp9	5/6/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
63	Hoàng Duy Tân	3600311450	47A8002003	271860859	6/65 kp9	1/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
64	Lê Mạnh Trí	3601333785	47A8043011	260753743	5/65 kp9	16/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
65	Nguyễn Thị Bích Thương	8442177135	47A8067791	271683214	183/6 kp1	05/5/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
66	Bùi Tiến Lương	8315525125	47A8052146	271117825	184/KP	11/7/2021 -nay	3.000.000		
	6. Phường Tân Biên								
67	Nguyễn Danh Quang	3602628044	47A8032661	271263118	12/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
68	Phạm Thị Nga	8581928156	47A8071298	272589697	80A/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
69	Nguyễn Thanh Sang	3603649985	47A8063202	272334645	135, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
70	Nguyễn Thị Thái Hòa	3603365648	47A8048819	272680598	94/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
71	Bùi Thị Thanh Hương	8084714073	47A8057682	272155106	106B/3, kp4	01/07/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
72	Nguyễn Văn hậu	3600814736	47A8009107	271323569	49/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
73	Phạm Thị Kiều	3600322124	47A8041835	270794735	76/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
74	Phạm Thị Thanh Hương	3600815137	47A8008712	271323778	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
75	Nguyễn Thị Thanh Minh	3600638047	47A8006837	270391282	42/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
76	Đào Thị Thúy Hồng	3600317808	47A8002753	270387454	108/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
77	Phạm Thị Hồng ngự	8069246656	47A8061855	271548896	28/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
78	Phạm Thị Ngọc trâm	3603467657	47A8053984	271740571	186/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
79	Phạm Thị Suy	3600339047	4707003755	270392277	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
80	Đỗ Thế Phi	3603049681	47A8045616	270921764	54/4, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
81	Phạm Thị xuân	3600270148	47A8014258	271158078	13B/4, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
82	Vũ Thị Ánh Tuyết	3600428113	47A8035079	271073287	130B/4/, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
83	Phạm Thị Như Quỳnh	3601504134	47A8034492	271683024	26A/82, kp1	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
84	Phạm Văn Toán	8345149774	47A8058342	272533744	24A/75, kp1	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
85	Đặng Văn Quý	3603715677	47A8066841	34088007793	90NAQ, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
86	Nguyễn Thị Nam Hoa	3602514311	47A8050964	270057427	80A/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
87	Nguyễn Việt Dũng	3600814535	47A8009392	270401108	229/6, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
88	Lê ngọc Nhân	3600647669	47A8001769	270808299	kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
89	Nguyễn Thị Phương Thiên	3602628051	47A8031924	270963865	114/4, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
90	Trần quang Cảnh	3600290031	47A8035242	271117784	25a/3, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
91	Phạm Anh Tú	3603424477	47A8063883	023166003	145/71, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
92	nguyễn Thị Bích Ngọc	3600417457	47A8038375	270393078	124A/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
93	Đỗ Hoàng Chương	3602363528	47A8028146	272118162	46/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
94	Đào Tấn Thành	3601549287	47A8023990	272036912	91/5A, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
95	Nguyễn Thị Tươi	3603201632	47A8042514	271537235	134/149, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
96	Phạm Thị Phương	3600330735	4707001793	270914325	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
97	Nguyễn thị Hào	3600342434	47A8001613	270407099	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
98	Nguyễn Văn Đình	3600318199	4707000362	270387646	44, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
99	Nguyễn Thị Thúy Phương	3600767797	47A8059155	271412395	69, KP4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
100	Bùi Thị Hạnh Dung	8088356414	47A8061162	271921344	37A/6, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
101	Vũ Thị Thủy	3603531038	47A8057685	271037281	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
102	Lê Mai Hương	8310055772	47A8061384	271961954	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
103	Phạm Thị nguyệt	3600332619	4707000582	270703743	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
104	Phạm Thị Thu Vân	3600272868	47A8058471	270985080	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
105	Chu Thị Hồng Hoa	3602352332	47A8027810	271444210	95A/2, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
106	Phạm Thị Kim Vân	3602796634	47A8041770	271289662	84/2, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
107	Phạm Văn Lợi	3602932615	47A8050930	270730974	87/2, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
108	Phạm Thị Tập	8219726284	47A8048478	270387670	254A/3, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
109	Ngô Thị Hồng	3603365782	47A8048838	271073476	105/63/26, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
110	Nguyễn Thị Lân	3600297132	4707000666	209241371	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
111	Ngô Nữ Thanh Thúy	3600308909	47A8062307	270703920	60NAQ, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
112	Mai Thị Xuyên	3601373971	47A8029990	272566056	5A/1, kp7	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
113	Nguyễn Trần Anh	8051020866	47A8061893	271323447	77, Hoàng Văn Bồn , kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
114	Lê Thị Mỹ Phụng	3603314040	47A8056246	270782956	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
115	Đặng Ngọc trình	3600370907	4707003746	270914407	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
116	Nguyễn Văn Hiền	3602380795	47A8028038	270604815	100/2, kp8A	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
117	Nguyễn Xuân Hòa	3603078499	47A8039238	271754601	434C/2, kp8A	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
118	Nguyễn Vũ Thảo Thảo	8328646529	47A8051316	271743696	168/2, kp7	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
119	Trần Quang Thành	3603499440	47A8056064	272507312	137/4, kp7	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
120	Nguyễn Thị Thanh Tâm	3600428191	47A8039320	271323599	Chợ Sắt	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
121	Nguyễn Thị Hiền	3602212575	47A8025369	271261833	293/4, kp7	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
122	Nguyễn Đạt Ý	8098325091	47A8062061	125286204	114NAQ, kp7	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

11/11/2021

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
123	Chu Thị Kim thoa	3600321000	47A8004548	271067300	160/2 NAO, kp7	01/06/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
	7. Phường Tân Tiến								
124	Trần Giang Nam	8060211200	47A8064519	272899634	22A,kp6	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
125	Đặng Văn Lâm	3600321995	47A8000576	270808889	1241/48/27, kp6	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
126	Trần Thị Chính	8294169843	47A8052192	270094419	57/3,kp3	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
127	Trần Thị Ngọc Nga	3603409214	47A8050884	270872767	121,kp1	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
128	Huỳnh Phước Lương	3600528005	4707002112	270689869	164 KP4	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
129	Nguyễn Thị Mộng Trinh	8403106684	47A8067716	272276463	112, NAO, kp6	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
130	Phạm Thu Hằng	3603102448	47A8041336	334938073	49,PVT,kp3	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
131	Nguyễn Thế Vinh	3600775660	47A8056613	022180182	54,kp6	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
132	Nguyễn T Kim Ngọc	3601060746	47A8008170	270141174	310 KP5	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
133	Trịnh Bá Hùng	8525690076	47A8059720	272276596	29 DTG, kp2	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
134	Trần Đức Vy	8480240807	47A8057346	271517726	448 QL1 Kp 5	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
135	Nguyễn Hoàng Long	8523034664	47A8063533	272611591	267/5A, Phan Trung, kp7	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
136	Võ Trương phương Khanh	3603505990	47A8056541	272610566	320,kp5	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
137	Hàn Thị Thủy Chín	3601982003	47A8042214	271999736	223,kp2	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
138	Lê Minh Nam	3600594537	47A8057486	271 844 314	94 KP3	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
	8. Phường Long Bình								
139	Nguyễn Văn Cường	8031816515	47A8049566	272123338	Tổ 25, kp 6	24/7/2021 - nay	3.000.000		
140	Nguyễn Duy Sáng	3603528490	47A8058866	272576295	Tổ 24, kp 6	24/7/2021 - nay	3.000.000		
141	Phạm Thị Thảo	3603223026	47A8051514	272479672	51D, tổ 4, kp 6	24/7/2021 - nay	3.000.000		
142	Mai Đình Thiên	8354831341	47A80059567	272545142	37A, kp 6	24/7/2021 - nay	3.000.000		
143	Trần Thị Anh Đào	3603221406	47A8043461	225194947	98, tổ 17, kp 6	24/7/2021 - nay	3.000.000		
144	Phan Văn Tinh	3600894474	47A8002414	271442369	373/20, tổ 39, kp 5A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
145	Hoàng Văn Tiến	3603691810	47A8045688	276036240	316, tổ 8, kp 5A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
146	Trần Thị Hồng Ánh	8023038639	47A8058691	271919509	446/69/62, tổ 25, kp 2A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
147	Lê Thị Nga	8486766096	47A8058546	272648119	Tổ 13A, kp 5A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
148	Nguyễn Thị Nhường	8244382735	47A8039913	162475907	Tổ 26, kp 5A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
149	Đặng Thái Hoàng	8296225557	47A8041254	075080001093	E 971A, tổ 14, kp 5	24/7/2021 - nay	3.000.000		
150	Lê Trung Thế	8011448408	47A8037131	272139372	E 930 D, kp 5A	24/7/2021 - nay	3.000.000		
151	Lê Thị Mỹ Giải	8244308611	47A50083	271745867	521/78, tổ 6, kp 1	24/7/2021 - nay	3.000.000		
152	Lê Văn Biên	3602377785	47A8029005	272871021	537, xa lộ Hà Nội, kp 1	24/7/2021 - nay	3.000.000		
153	Trần Thuý Giang	3600752575	47A8057684	271506251	619, xa lộ Hà Nội	24/7/2021 - nay	3.000.000		
154	Nguyễn Đức Long	3603046320	47A8038001	272569394	595, tổ 3, kp 1	24/7/2021 - nay	3.000.000		

